qīng shào nián

青少年

Noun · youngsters

Example Sentences

qīng shào nián yīng gāi duō cān jiā tǐ yù huó dòng
青 少 年 应 该 多 参加体育活 动 。

Youngsters should participate in more sports activities.

qīng shào nián shì fǒu yīng gāi yōng yǒu gèng duō de zì zhǔ xuǎn zé quán ne
青 少 年是否 应 该 拥 有 更 多的自主 选 择 权 呢?

Should youngsters be given more autonomy in making their own choices?

qīng shào nián chén mí wǎng luò yóu xì de xiàn xiàng yǐ chéng wéi shè huì guān zhù de jiāo diǎn
青 少 年 沉 迷 网 络游戏的现 象 , 已 成 为社会 关 注的焦 点 。

The phenomenon of youngsters being addicted to online games has become a focus of social concern.
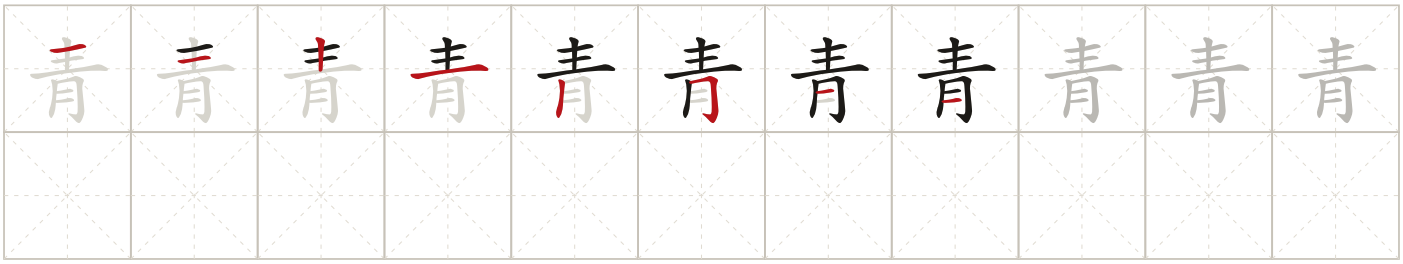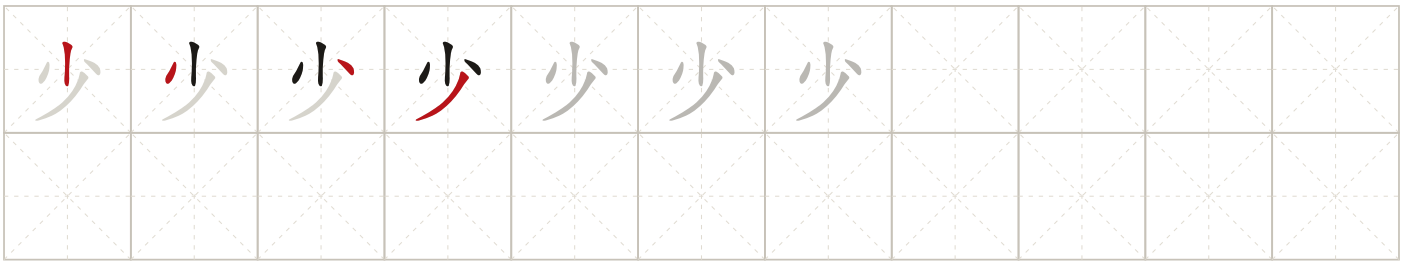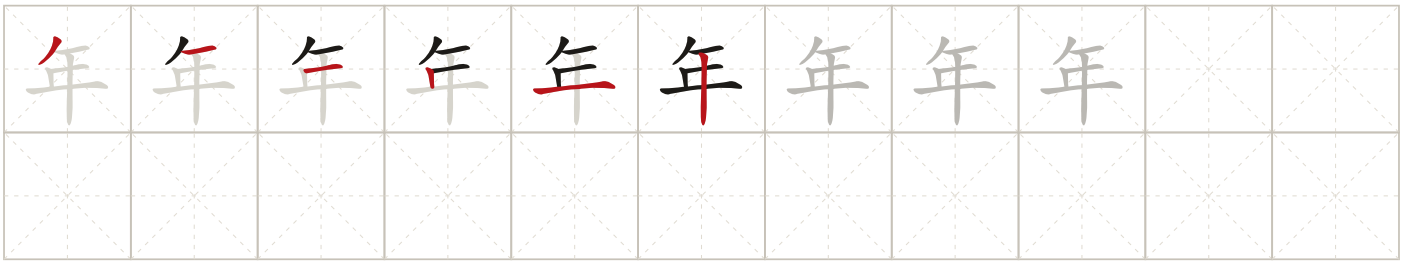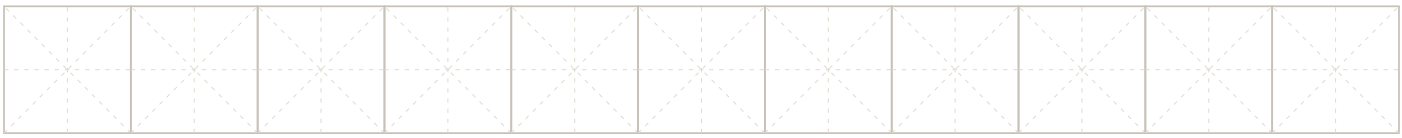
Trace each character, then write the word on your own.